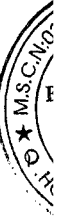


Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không
Taseco Nội Bài]

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 48

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Long	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Quang Viên	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Loan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Trần Thị Liên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thị Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2017

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 24 3831 5100
Fax: + 84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61311118/18988933-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 6 tháng 11 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày trong Thuyết minh số 2.2, ngày 30 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành lại báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 để thay thế cho báo cáo tài chính cho cùng giai đoạn đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2016. Việc phát hành lại báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Công ty thực hiện để sửa chữa các sai sót còn tồn tại trong báo cáo tài chính cho cùng giai đoạn đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2016. Theo đó, ngày 6 tháng 11 năm 2017, Công ty cũng đã phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như được trình bày kèm theo báo cáo kiểm toán độc lập này để thay thế cho báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phát hành trước đây vào ngày 22 tháng 3 năm 2017.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và báo cáo kiểm toán của công ty này đề ngày 30 tháng 10 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Công Khanh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3483-2015-004-1

Phùng Mạnh Phú
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán 2598-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		189.314.816.770	30.190.170.635
110	I. Tiền	5	41.414.286.153	836.087.367
111	1. Tiền		41.414.286.153	836.087.367
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		124.666.682.266	22.764.434.145
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	4.628.021.648	1.122.420.377
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	29.137.873.011	453.129.672
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	12.450.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	90.900.787.607	8.738.884.096
140	III. Hàng tồn kho	8	20.929.083.181	4.611.732.241
141	1. Hàng tồn kho		20.929.083.181	4.611.732.241
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.304.765.170	1.977.916.882
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	2.167.946.501	1.977.916.882
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		77.472.622	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		59.346.047	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		178.689.907.363	20.637.402.397
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		75.376.139.740	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	75.376.139.740	-
220	II. Tài sản cố định		97.194.642.180	14.646.998.307
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	88.785.197.675	14.521.072.974
222	Nguyên giá		103.437.151.557	14.934.683.131
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(14.651.953.882)	(413.610.157)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.409.444.505	125.925.333
228	Nguyên giá		8.606.816.588	127.592.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(197.372.083)	(1.666.667)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		751.601.271	922.329.021
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		751.601.271	922.329.021
260	IV. Tài sản dài hạn khác		5.367.524.172	5.068.075.069
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	5.365.024.172	5.068.075.069
268	2. Tài sản dài hạn khác		2.500.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		368.004.724.133	50.827.573.032

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		166.262.176.138	23.601.351.653
310	I. Nợ ngắn hạn		131.432.976.138	23.601.351.653
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	21.571.129.302	12.723.403.747
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.733.676.735	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	8.597.367.178	1.509.436.842
314	4. Phải trả người lao động		15.477.394.655	3.263.298.640
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.772.895.893	266.340.007
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	3.754.659.287	791.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	43.668.727.390	624.186.436
320	8. Vay ngắn hạn	17	32.988.186.753	4.423.685.981
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		868.938.945	-
330	II. Nợ dài hạn		34.829.200.000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác		375.000.000	-
338	2. Vay dài hạn	17	34.454.200.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		201.742.547.995	27.226.221.379
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	201.742.547.995	27.226.221.379
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		160.480.000.000	27.126.277.100
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.480.000.000	27.126.277.100
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.438.712.534	99.944.279
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		98.944.279	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		41.339.768.255	99.944.279
429	3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	19	(176.164.539)	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		368.004.724.133	50.827.573.032

Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán


Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	316.889.542.561	38.661.266.514
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	316.889.542.561	38.661.266.514
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(148.447.292.324)	(19.783.126.313)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		168.442.250.237	18.878.140.201
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	4.173.875.634	47.654.555
22	7. Chi phí tài chính	22	(2.539.385.217)	(86.549.926)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.521.436.580)	(13.870.490)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(77.998.473.679)	(13.775.713.129)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(39.050.991.156)	(3.690.441.778)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		53.027.275.819	1.373.089.923
31	11. Thu nhập khác	24	2.362.917.486	136.556.216
32	12. Chi phí khác	24	(508.583.190)	(100.368.465)
40	13. Lợi nhuận khác	24	1.854.334.296	36.187.751
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		54.881.610.115	1.409.277.674
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(11.237.401.022)	(310.333.395)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.1	43.644.209.093	1.098.944.279
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	18.1	43.846.210.025	1.098.944.279
62	18. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	19	(202.000.932)	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	5.870	633
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	5.870	633

Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		54.881.610.115	1.409.277.674
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		7.249.117.720	418.318.293
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.357.701)	-
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.852.935.731)	98.404.774
06	Chi phí lãi vay	22	2.521.436.580	13.870.490
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		60.796.870.983	1.939.871.231
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		14.907.265.716	(10.314.434.145)
10	Tăng hàng tồn kho		(8.035.080.960)	(599.004.778)
11	Tăng các khoản phải trả		14.132.115.377	18.867.332.277
12	Giảm chi phí trả trước		3.153.609.475	1.202.842.743
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.458.980.471)	(13.870.490)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(7.751.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		74.744.800.120	11.082.736.838
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(8.770.326.368)	(1.223.299.143)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		600.559.594	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(81.049.352.991)	(12.450.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		20.188.507.014	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		15.604.794.713	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.220.638.883	1.963.691
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(51.205.179.155)	(13.671.335.452)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		2.776.098.900	-
33	Tiền thu từ đi vay		83.964.847.645	4.423.685.981
34	Tiền trả nợ gốc vay		(69.699.878.682)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(999.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		17.041.067.863	3.424.685.981
50	Tăng tiền thuần trong năm/kỳ		40.580.688.828	836.087.367
60	Tiền đầu năm/kỳ		836.087.367	-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.490.042)	-
70	Tiền cuối năm/kỳ	5	41.414.286.153	836.087.367



Trần Văn Hưng
Người lập

Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco [trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài] ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017, Công ty đã được phê duyệt đổi tên từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco.

Theo Công văn số 6411/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã được chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm:

- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tua du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 668 (31 tháng 12 năm 2015: 324).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 3 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng	99,9%	99,9%	Số 266, đường Nguyễn Tri Phương, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn	55%	55%	28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo
3	Công Ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống; vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất

Vào ngày 30 tháng 10 năm 2017, Công ty đã phát hành lại báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 để thay thế cho báo cáo tài chính cho cùng giai đoạn đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2016. Việc phát hành lại báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Công ty thực hiện để sửa chữa các sai sót còn tồn tại trong báo cáo tài chính cho cùng giai đoạn đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2016. Theo đó, ngày 6 tháng 11 năm 2017, Công ty đã phát hành lại báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 này để thay thế cho báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phát hành trước đây vào ngày 22 tháng 3 năm 2017.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 (ngày thành lập Công ty) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Đối với hàng tồn kho nguyên vật liệu, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Đối với hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá v.v.) có thể xảy ra đối với thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 6 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Một số nhà cửa, vật kiến trúc nhận góp vốn từ công ty mẹ được ghi nhận và trích khấu hao theo thời gian khấu hao còn lại từ 1 đến 5 năm.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Công cụ và dụng cụ;
- ▶ Chi phí sửa chữa; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)*

Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế

Nếu BCC quy định các bên trong BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, đồng thời phải gánh chịu lỗ:

BCC chia lợi nhuận sau thuế do một bên kiểm soát:

Nếu Tập đoàn kiểm soát BCC, Tập đoàn sẽ hạch toán toàn bộ doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, đồng thời ghi nhận toàn bộ lợi nhuận sau thuế của BCC vào chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Nếu Tập đoàn không kiểm soát BCC, Tập đoàn ghi nhận phần lợi nhuận mà Tập đoàn được chia từ BCC trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã được thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh liên quan tới các đơn vị hoặc các doanh nghiệp dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị hoặc các doanh nghiệp dưới sự kiểm soát chung được hạch toán như sau:

- ▶ Tài sản và nghĩa vụ nợ của hai đơn vị hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Lợi thế thương mại không được ghi nhận từ việc hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh các kết quả của các đơn vị được hợp nhất từ ngày hợp nhất kinh doanh; và
- ▶ Chênh lệch giữa phí hợp nhất kinh doanh đã trả và giá trị tài sản thuần của “công ty bị mua” được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu” trong vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý.

Các hoạt động kinh doanh được tổ chức và quản lý riêng biệt theo bản chất sản phẩm và dịch vụ cung cấp, và bao gồm hai bộ phận kinh doanh sau:

- ▶ Hoạt động bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không; và
- ▶ Kinh doanh dịch vụ khách sạn và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty trình bày thông tin theo bộ phận tại Thuyết minh số 29.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG

Trong năm 2016, theo kế hoạch tái cấu trúc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Thăng Long ("Taseco Thăng Long"), công ty mẹ cấp 1 của Công ty, Công ty đã thực hiện các giao dịch sau:

4.1 Nhận góp vốn bằng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Taseco Đà Nẵng")

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2016, Taseco Thăng Long, công ty mẹ cấp 1 của Công ty, đã góp vốn vào Công ty bằng khoản đầu tư vào Taseco Đà Nẵng. Khoản vốn góp với số tiền là 19.980.000.000 VND, tương đương với 1.998.000 cổ phần của Taseco Đà Nẵng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Đà Nẵng là 99,9% và Taseco Đà Nẵng trở thành công ty con của Công ty.

Taseco Đà Nẵng là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401698656 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 28 tháng 9 năm 2015 và được thay đổi lần thứ nhất ngày 11 tháng 12 năm 2015. Công ty có trụ sở chính tại số 266, đường Nguyễn Tri Phương, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Các hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này bao gồm: Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.

Ban Giám đốc đánh giá đây là một giao dịch hợp nhất kinh doanh của hai công ty dưới sự kiểm soát chung và đã áp dụng phương pháp hợp nhất lợi ích để ghi nhận giao dịch này. Theo đó, cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả được của Taseco Đà Nẵng tại ngày góp vốn như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG (tiếp theo)

4.1 Nhận góp vốn bằng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Taseco Đà Nẵng") (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ ghi nhận
tại ngày chuyển nhượng

Tài sản	46.237.817.260
Tiền	5.627.687.578
Các khoản phải thu	22.204.438.157
Các tài sản ngắn hạn khác	8.001.818.135
Tài sản cố định	9.230.118.750
Tài sản dài hạn khác	1.173.754.645
Nợ phải trả	20.401.423.856
Nợ và vay	13.233.731.809
Phải trả người bán	3.732.677.962
Phải trả khác	3.435.014.085
Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ	25.836.393.404
Cổ đông không kiểm soát	(25.836.393)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	25.810.557.011
<i>Trong đó:</i>	
<i>Vốn góp của Taseco Thăng Long vào Công ty</i>	<i>19.980.000.000</i>
<i>Phải trả cho Taseco Thăng Long (*)</i>	<i>5.830.557.011</i>
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	5.627.687.578
Tiền chi để mua công ty con	-
Tổng tiền thuần thu về	5.627.687.578

(*) Theo Nghị quyết số 02/2016/TASECO.NB-NQĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty ngày 30 tháng 3 năm 2016, tại thời điểm chốt giá trị đầu tư góp vốn, Công ty sẽ phải hoàn trả cho Taseco Thăng Long phần chênh lệch giữa giá trị đầu tư và giá trị vốn góp. Theo đó số tiền 5,8 tỷ VND đã được ghi nhận là khoản phải trả cho Taseco Thăng Long.

Kể từ ngày nhận góp vốn, Taseco Đà Nẵng đã đóng góp lợi nhuận 32,2 tỷ VND vào vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn. Doanh thu của Taseco Đà Nẵng trong kỳ và trước ngày hợp nhất tương ứng là 108 tỷ VND và 34,3 tỷ VND và lợi nhuận thuần trước thuế trong kỳ và trước ngày hợp nhất tương ứng là 32,2 tỷ VND và 6,8 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG (tiếp theo)

4.2 Nhận góp vốn bằng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Taseco Sài Gòn")

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2016, Taseco Thăng Long, công ty mẹ cấp 1 của Công ty, đã góp vốn vào Công ty bằng khoản đầu tư vào Taseco Sài Gòn. Khoản vốn góp với số tiền là 5.500.000.000 VND, tương đương với 550.000 cổ phần của Taseco Sài Gòn. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Sài Gòn là 55% và Taseco Sài Gòn trở thành công ty con của Công ty.

Taseco Sài Gòn là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313686348 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 9 tháng 3 năm 2016 và được thay đổi với lần gần nhất là lần thứ 3 ngày 19 tháng 12 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này bao gồm: Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; cung cấp dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm, dịch vụ đón tiễn, dịch vụ quảng cáo; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ban Giám đốc đánh giá đây là một giao dịch hợp nhất kinh doanh của hai công ty dưới sự kiểm soát chung và đã áp dụng phương pháp hợp nhất lợi ích để ghi nhận giao dịch này. Theo đó, cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả được của Taseco Sài Gòn tại ngày góp vốn như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày chuyển nhượng</i>
Tài sản	5.542.639.000
Tiền	5.149.004.365
Các khoản phải thu	351.373.054
Các tài sản ngắn hạn khác	42.261.581
Nợ phải trả	42.639.000
Phải trả người bán	42.639.000
Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ	5.500.000.000
Cổ đông không kiểm soát	-
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	5.500.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	5.149.004.365
Tiền chi để mua công ty con	-
Tổng tiền thuần thu về	5.149.004.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG (tiếp theo)

4.2 Nhận góp vốn bằng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Taseco Sài Gòn") (tiếp theo)

Kể từ ngày góp vốn, Taseco Sài Gòn đã làm giảm lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn với số tiền là 506 triệu VND. Doanh thu của Taseco Sài Gòn trong kỳ và trước ngày hợp nhất là 0 VND và lỗ thuần trước thuế trong kỳ và trước ngày hợp nhất tương ứng là 506 triệu VND và 0 VND.

4.3 Nhận góp vốn bằng khoản đầu tư vào Công Ty TNHH Một Thành Viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Taseco Oceanview Đà Nẵng")

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2016, Taseco Thăng Long, công ty mẹ cấp 1 của Công ty, đã góp vốn vào Công ty bằng khoản đầu tư vào Taseco Oceanview Đà Nẵng. Khoản vốn góp với số tiền là 105.000.000.000 VND, tương đương với 100% vốn chủ sở hữu của Taseco Oceanview Đà Nẵng. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Taseco Oceanview Đà Nẵng là 100% và Taseco Oceanview Đà Nẵng trở thành công ty con của Công ty.

Taseco Oceanview Đà Nẵng là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0401571699 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2013 và được thay đổi với lần gần nhất là lần thứ 8 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại số 200 Võ Nguyên Giáp, phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Các hoạt động chính trong năm hiện tại của công ty này bao gồm: Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Ban Giám đốc đánh giá đây là một giao dịch hợp nhất kinh doanh của hai công ty dưới sự kiểm soát chung và đã áp dụng phương pháp hợp nhất lợi ích để ghi nhận giao dịch này. Theo đó, cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả được của Taseco Oceanview Đà Nẵng tại ngày góp vốn như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị ghi sổ ghi nhận tại ngày chuyển nhượng</i>
Tài sản	187.035.293.120
Tiền	4.828.102.770
Các khoản phải thu	106.493.415.925
Các tài sản ngắn hạn khác	2.865.525.799
Tài sản cố định	72.657.392.572
Tài sản dài hạn khác	190.856.054
Nợ phải trả	48.674.560.230
Nợ và vay	35.520.000.000
Phải trả người bán	4.823.253.762
Phải trả khác	8.331.306.468
Tổng tài sản thuần theo giá trị ghi sổ	138.360.732.890
Cổ đông không kiểm soát	-
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	138.360.732.890
<i>Trong đó:</i>	
<i>Vốn góp của Taseco Thăng Long vào Công ty</i>	<i>105.000.000.000</i>
<i>Phải trả cho Taseco Thăng Long (*)</i>	<i>33.360.732.890</i>
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền thu về từ công ty con	4.828.102.770
Tiền chi để mua công ty con	-
Tổng tiền thuần thu về	4.828.102.770

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH CỦA CÁC CÔNG TY DƯỚI SỰ KIỂM SOÁT CHUNG (tiếp theo)

4.3 Nhận góp vốn bằng khoản đầu tư vào Công Ty TNHH Một Thành Viên Taseco Oceanview Đà Nẵng (“Taseco Oceanview Đà Nẵng”) (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết số 02/2016/TASECO.NB-NQĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông Công ty ngày 30 tháng 3 năm 2016, tại thời điểm chốt giá trị đầu tư góp vốn, Công ty sẽ phải hoàn trả cho Taseco Thăng Long phần chênh lệch giữa giá trị đầu tư và giá trị vốn góp. Theo đó số tiền 33,4 tỷ VND đã được ghi nhận là khoản phải trả cho Taseco Thăng Long.

Kể từ ngày góp vốn, Taseco Oceanview Đà Nẵng đã đóng góp 4,8 tỷ VND vào lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn. Doanh thu của Taseco Oceanview Đà Nẵng trong kỳ và trước ngày hợp nhất tương ứng là 36,1 tỷ VND và 135,1 tỷ VND và lợi nhuận thuần trước thuế trong kỳ và trước ngày hợp nhất tương ứng là 4,8 tỷ VND và 39,3 tỷ VND.

5. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.420.804.831	273.859.384
Tiền gửi ngân hàng	35.924.364.072	562.227.983
Tiền đang chuyển	69.117.250	-
TỔNG CỘNG	41.414.286.153	836.087.367

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	4.497.109.514	844.091.656
- Công ty TNHH Đầu tư Bốn Mùa	520.824.540	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.976.284.974	844.091.656
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	130.912.134	278.328.721
TỔNG CỘNG	4.628.021.648	1.122.420.377

Các khoản phải thu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng được trình bày trong Thuyết minh số 17.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	1.056.488.995	453.129.672
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	28.081.384.016	-
TỔNG CỘNG	29.137.873.011	453.129.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	78.641.713.251	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	7.566.286.871	-	401.041.515	-
Phải thu khác	4.692.787.485	-	8.337.842.581	-
TỔNG CỘNG	90.900.787.607	-	8.738.884.096	-
Dài hạn				
Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư (**)	75.220.439.740	-	-	-
Phải thu khác	155.700.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	75.376.139.740	-	-	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	<i>159.574.392.158</i>	<i>-</i>	<i>7.135.809.262</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>6.702.535.189</i>	<i>-</i>	<i>1.603.074.834</i>	<i>-</i>

(*) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Taseco Oceanview Đà Nẵng với Taseco Thăng Long, công ty mẹ cấp 1, vào dự án 1,1 ha tại Đà Nẵng: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 42/2016/HTKD/TASECO-OCV ngày 30 tháng 6 năm 2016, Taseco Oceanview Đà Nẵng và Taseco Thăng Long cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất A1.1 thuộc Lô A1.1 Khu Công viên Bắc Tượng Đài, phường Hòa Cường, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng do Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Theo hợp đồng, Taseco Oceanview Đà Nẵng sẽ góp 50% tổng vốn tự có và sẽ được chia kết quả kinh doanh (lợi nhuận sau thuế) theo tỷ lệ vốn thực góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Taseco Oceanview Đà Nẵng đã góp vốn với số tiền là 78,6 tỷ VND;

(**) Đây là các khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty với Taseco Thăng Long, công ty mẹ cấp 1, vào dự án Hạ Long – Quảng Ninh: theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 70/2016/HTDT/TASECO – TASECO.NB ngày 26 tháng 12 năm 2016, Công ty và Taseco Thăng Long cùng hợp tác kinh doanh tại lô đất H33 và H30 thuộc khu Hỗn Hợp Bán đảo 2 – Khu Đô thị Dịch vụ Hùng Thắng, phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh do Taseco Thăng Long làm chủ đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã góp vốn với số tiền là 75,2 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa	18.844.652.510	-	4.543.775.901	-
Nguyên liệu	1.643.653.048	-	-	-
Hàng đang đi trên đường	249.573.203	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	191.204.420	-	67.956.340	-
TỔNG CỘNG	20.929.083.181	-	4.611.732.241	-

Hàng tồn kho của Taseco Đà Nẵng đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng được trình bày trong Thuyết minh số 17.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	527.921.967		518.848.810	
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	520.786.361		70.030.655	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.119.238.173		1.389.037.417	
TỔNG CỘNG	2.167.946.501		1.977.916.882	
Dài hạn				
Công cụ, dụng cụ	3.645.885.860		3.865.574.089	
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.189.952.508		613.564.729	
Chi phí trả trước dài hạn khác	529.185.804		588.936.251	
TỔNG CỘNG	5.365.024.172		5.068.075.069	

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	5.111.035.949	1.649.919.826	-	8.173.727.356	14.934.683.131
Tăng từ mua công ty con	58.790.729.728	14.275.886.871	794.251.948	6.996.664.509	80.857.533.056
Mua trong năm	782.400.650	486.039.900	85.197.273	6.665.087.274	8.018.725.097
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	922.329.021	922.329.021
Thanh lý, nhượng bán	(297.694.293)	-	-	(998.424.455)	(1.296.118.748)
Số cuối năm	64.386.472.034	16.411.846.597	879.449.221	21.759.383.705	103.437.151.557
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	304.500.722	109.109.435	-	-	413.610.157
Tăng từ mua công ty con	3.109.278.181	3.224.832.709	195.404.246	797.971.446	7.327.486.582
Khấu hao trong năm	2.606.817.384	1.179.449.034	20.753.324	3.368.152.302	7.175.172.044
Thanh lý, nhượng bán	(58.371.430)	-	-	(205.943.471)	(264.314.901)
Số cuối năm	5.962.224.857	4.513.391.178	216.157.570	3.960.180.277	14.651.953.882
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	4.806.535.227	1.540.810.391	-	8.173.727.356	14.521.072.974
Số cuối năm	58.424.247.177	11.898.455.419	663.291.651	17.799.203.428	88.785.197.675
Trung đổ:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (*)	50.288.165.560	8.136.336.637	-	5.915.708.091	64.340.210.288

(*) Các tài sản này đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	-	60.000.000	67.592.000	127.592.000
Tăng từ mua công ty con	7.866.329.588	612.895.000	-	8.479.224.588
Số cuối năm	7.866.329.588	672.895.000	67.592.000	8.606.816.588
Giá trị hao mòn:				
Số đầu năm	-	1.666.667	-	1.666.667
Tăng từ mua công ty con	-	121.759.740	-	121.759.740
Hao mòn trong năm	-	57.047.672	16.898.004	73.945.676
Số cuối năm	-	180.474.079	16.898.004	197.372.083
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	-	58.333.333	67.592.000	125.925.333
Số cuối năm	7.866.329.588	492.420.921	50.693.996	8.409.444.505
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (*)</i>	2.375.036.329	-	-	2.375.036.329

(*) Quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ Châu Thông	2.297.502.703	2.297.502.703	-	-
Cảng hàng không quốc tế Nội Bài – Chi Nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam -CTCP	745.821.785	745.821.785	4.266.527.077	4.266.527.077
Phải trả cho người bán khác	18.527.804.814	18.527.804.814	7.377.966.307	7.377.966.307
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	-	1.078.910.363	1.078.910.363
TỔNG CỘNG	21.571.129.302	21.571.129.302	12.723.403.747	12.723.403.747

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.170.535.447	18.361.716.321	(17.798.161.363)	1.734.090.405
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	537.871.446	(414.808.039)	123.063.407
Thuế thu nhập doanh nghiệp	310.333.395	13.820.110.132	(7.751.000.000)	6.379.443.527
Thuế thu nhập cá nhân	28.568.000	670.855.193	(345.501.051)	353.922.142
Các loại thuế khác	-	28.828.523	(21.980.826)	6.847.697
TỔNG CỘNG	1.509.438.842	33.419.381.615	(20.331.451.279)	8.597.367.178

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí sửa chữa	381.855.000	-
Chi phí ăn ca	322.222.500	206.229.000
Chi phí phải trả khác	1.068.818.393	60.111.007
TỔNG CỘNG	1.772.895.893	266.340.007

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Doanh thu dịch vụ quảng cáo	3.754.659.287	791.000.000
TỔNG CỘNG	3.754.659.287	791.000.000

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.237.502.825	-
Phải trả bảo hiểm	931.529.785	227.638.600
Nhận đặt cọc từ bên khác	204.000.000	3.000.000
Nhận đặt cọc từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)		168.000.000
Phải trả nhân viên	171.656.887	178.656.750
Phải trả về nhận vốn góp bằng các khoản đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 27)	39.191.289.901	-
Các khoản phải trả khác	932.747.992	46.891.086
TỔNG CỘNG	43.668.727.390	624.186.436

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng	4.423.685.981	4.423.685.981	87.468.579.455	64.976.478.683	26.915.786.753	26.915.786.753		
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	7.735.800.000	1.663.400.000	6.072.400.000	6.072.400.000		
Vay đối tượng khác	-	-	1.720.000.000	1.720.000.000	-	-		
TỔNG CỘNG	4.423.685.981	4.423.685.981	96.924.379.455	68.359.878.683	32.988.186.753	32.988.186.753		
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng	-	-	38.770.000.000	4.315.800.000	34.454.200.000	34.454.200.000		
TỔNG CỘNG	-	-	38.770.000.000	4.315.800.000	34.454.200.000	34.454.200.000		

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN/HN

[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Hợp đồng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	01/2016- HD-DHM/N HC-480- TASECOĐN	13.383.107.360	Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, thời hạn trả nợ gốc 4 tháng	Theo từng hợp đồng - tín dụng cụ thể. Lãi suất năm 2016 là 7,3%/năm	Các thửa đất số 1, 2 và 5 thuộc khu A1, khu dân cư Hòa Hiệp 2, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng trị giá 3,263 tỷ VND của Taseco Thăng Long; - Các thửa đất số 10 và 18 thuộc khu A1, khu dân cư Hòa Hiệp 2, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng trị giá 2,272 tỷ VND của Ông Đoàn Trung Hiếu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Taseco Đà Nẵng; - Hàng tồn kho của Taseco Đà Nẵng tại thời điểm thế chấp trị giá 7 tỷ VND và có thể được định giá lại khác với giá trị này trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp; và - Toàn bộ quyền đòi nợ luân chuyển liên quan đến các khoản phải thu phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh của Taseco Đà Nẵng với các bên thứ ba, với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 7 tỷ VND. Cổ phiếu Taseco Thăng Long thuộc sở hữu của một số cổ đông của Taseco Thăng Long có giá trị 135,75 tỷ VND.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	01/2015/ 7980289/ HĐTĐ	13.532.679.393	Từ 31 tháng 1 năm 2017 đến 20 tháng 6 năm 2017	Được xác định tại thời điểm giải ngân. Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,5%	
TỔNG CỘNG		26.915.786.753			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17.	VAY (tiếp theo)					
17.2	Các khoản vay ngân hàng dài hạn					
	<i>Ngân hàng</i>	<i>Hợp đồng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	260/2015/VCB - KHDN	34.410.000.000	108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất năm 2016 là: 9,3%/năm.	Quyền đối với vốn góp của Taseco Nội Bài vào Taseco Oceanview Đà Nẵng; tài sản hình thành từ vốn vay là các công trình xây dựng: tầng hầm, tầng 1, 2, 22, 23 của Khách sạn A La Carte tại 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.
	<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>		4.400.000.000			
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	02/2015-HDTC-IM/NHC T480-TASECOĐN	1.280.000.000	Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, thời hạn trả nợ gốc 3 tháng 1 lần. Gốc vay đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2020	Theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất 12 tháng đầu tiên là: 8,5%/năm.	Thửa đất số 133 tờ 2, phường Hòa Thuận Tây quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng của Taseco Đà Nẵng có giá trị được thỏa thuận bởi hai bên là 2,35 tỷ VND.
	<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>		320.000.000			
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	26/2016/HPTD/ NHC145-TASECONB	2.448.600.000	Từ 31 tháng 5 năm 2016 đến 31 tháng 5 năm 2021	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 7,5%	Xe ô tô hình thành từ vốn vay gồm 2 xe ô tô con 7 chỗ và 1 xe ô tô con 5 chỗ với tổng nguyên giá là 3,5 tỷ VND.
	<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>		554.400.000			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Hợp đồng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long	76/2016- HĐTĐA/ NHCT145- TASECO	2.388.000.000	Từ 16 tháng 12 năm 2016 đến 16 tháng 12 năm 2019	Lãi suất hiện tại đang được tính theo lãi suất năm là 8,4%	Toàn bộ 3 xe ô tô hình thành từ vốn vay với tổng nguyên giá là 2,98 tỷ VND.

Trong đó: Vay dài
hạn đến hạn trả

798.000.000

TỔNG CỘNG

40.526.600.000

Trong đó:

Vay dài hạn đến
hạn trả

6.072.400.000

Vay dài hạn

34.454.200.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco
[trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Nội Bài]

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH- HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Lợi ích thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận chưa phân phối		
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Số đầu kỳ	-	-	-	-
- Tăng vốn	27.126.277.100	-	-	27.126.277.100
- Lợi nhuận trong kỳ	-	1.098.944.279	-	1.098.944.279
- Chia cổ tức (*)	-	(999.000.000)	-	(999.000.000)
Số cuối kỳ	27.126.277.100	99.944.279	-	27.226.221.379

Năm nay

Số đầu năm	27.126.277.100	99.944.279	-	27.226.221.379
- Tăng vốn (**)	133.353.722.900	-	25.833.393	133.379.559.293
- Lợi nhuận trong năm	-	43.846.210.025	(202.000.932)	43.644.209.093
- Trích các quỹ (***)	-	(868.938.945)	-	(868.938.945)
- Chia lợi nhuận (****)	-	(1.637.502.825)	-	(1.637.502.825)
- Giảm khác	-	(1.000.000)	-	(1.000.000)
Số cuối năm	160.480.000.000	41.438.712.534	(176.164.539)	201.742.547.995

Số cuối năm

- (*) Theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-EHĐCĐ-TASECO.NB ngày 24 tháng 12 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 1 tỷ VNĐ. Cổ tức với số tiền là 999 triệu VNĐ đã được thanh toán trong năm 2015 cho các cổ đông.
- (**) Trong năm, Công ty đã tăng vốn cổ phần từ 30 tỷ VNĐ lên 160,48 tỷ VNĐ. Việc tăng vốn này đã được phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107007230 có Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 16 tháng 12 năm 2016. Công ty đã nhận vốn góp bằng tiền, tài sản và bằng các khoản đầu tư như trình bày tại Thuyết minh số 18.3.
- (***) Theo Quyết định số 1C/QĐ-KHDT-TASECO ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Giám đốc của Taseco Thăng Long, Taseco Oceanview Đà Nẵng đã trích quỹ khen thưởng bằng 3% lợi nhuận sau thuế kế hoạch của năm 2016.
- (****) Đây là khoản lợi nhuận chia cho cá nhân theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Taseco Thăng Long	160.450.000.000	160.450.000.000	-	27.126.277.100	27.126.277.100	-
Bà Trần Thị Loan	15.000.000	15.000.000	-	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	15.000.000	15.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	160.480.000.000	160.480.000.000	-	27.126.277.100	27.126.277.100	-

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm/kỳ	27.126.277.100	-
Vốn góp tăng trong năm/kỳ	133.353.722.900	27.126.277.100
Trong đó:		
Bằng tiền	2.776.098.900	-
Bằng tài sản cố định	-	14.864.714.943
Bằng chi phí	97.624.000	8.248.834.694
Bằng hàng tồn kho	-	4.012.727.463
Bằng các khoản đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 4)	130.480.000.000	-
Số cuối năm/kỳ	160.480.000.000	27.126.277.100
Cổ tức đã chia	-	(999.000.000)

18.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Cổ phiếu đăng ký phát hành	16.048.000	160.480.000.000	3.000.000	30.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	16.048.000	160.480.000.000	2.712.627	27.126.277.100
Cổ phiếu phổ thông	16.048.000	160.480.000.000	2.712.627	27.126.277.100
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	16.048.000	160.480.000.000	2.712.627	27.126.277.100
Cổ phiếu phổ thông	16.048.000	160.480.000.000	2.712.627	27.126.277.100

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2015: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Taseco Đà Nẵng</i>	<i>Taseco Sài Gòn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Vốn đã góp	20.000.000	-	20.000.000
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	31.606.360	(227.770.899)	(196.164.539)
	51.606.360	(227.770.899)	(176.164.539)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Phần lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	25.769.967	(227.770.899)	(202.000.932)
	25.769.967	(227.770.899)	(202.000.932)

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tổng doanh thu	316.889.542.561	38.661.266.514
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	189.478.896.593	24.364.770.894
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	127.410.645.968	14.296.495.620
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	316.889.542.561	38.661.266.514
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	189.478.896.593	24.364.770.894
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	127.410.645.968	14.296.495.620
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	309.683.875.573	37.375.679.224
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	7.205.666.988	1.285.587.290

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.852.935.731	1.963.691
Lãi chênh lệch tỷ giá	306.465.703	45.690.864
Chiết khấu thanh toán	14.474.200	-
TỔNG CỘNG	4.173.875.634	47.654.555

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>tháng 12 năm 2015</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	94.285.320.226	12.638.425.267
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	54.161.972.098	7.144.701.046
TỔNG CỘNG	<u>148.447.292.324</u>	<u>19.783.126.313</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	2.521.436.580	13.870.490
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.458.595	72.679.436
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.490.042	-
TỔNG CỘNG	<u>2.539.385.217</u>	<u>86.549.926</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	31.733.321.853	5.200.644.675
Chi phí thuê kho, mặt bằng	19.890.816.462	3.553.344.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.027.058.757	3.123.632.143
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.000.550.395	1.468.574.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.191.363.352	306.342.609
Chi phí khác	155.362.860	43.174.889
TỔNG CỘNG	<u>77.998.473.679</u>	<u>13.775.713.129</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	17.627.635.135	2.385.626.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.017.512.122	848.489.635
Chi phí nhượng quyền kinh doanh	4.500.000.000	-
Chi phí thuê kho, mặt bằng	1.487.491.891	294.400.000
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	690.970.961	141.592.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	615.607.144	2.850.379
Chi phí khác	1.111.773.903	17.482.860
TỔNG CỘNG	<u>39.050.991.156</u>	<u>3.690.441.778</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính</i>	
	<i>từ ngày 28 tháng 9</i>	
	<i>năm 2015 đến ngày 31</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>tháng 12 năm 2015</i>
Thu nhập khác		
Hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	1.440.000.000	-
Thu nhập từ khuyến mại sim chủ	376.686.935	123.936.292
Khác	546.230.551	12.619.924
	2.362.917.486	136.556.216
Chi phí khác		
Chi phí khác	508.583.190	100.368.465
	508.583.190	100.368.465
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	1.854.334.296	36.187.751

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính</i>	
	<i>từ ngày 28 tháng 9</i>	
	<i>năm 2015 đến ngày 31</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí nguyên vật liệu	120.053.451.436	19.594.403.423
Chi phí nhân công	64.839.595.379	9.356.035.897
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7.249.117.720	418.318.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.483.967.103	7.819.865.858
Chi phí khác	8.870.625.521	60.657.749
TỔNG CỘNG	265.496.757.159	37.249.281.220

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.237.401.022	310.333.395
TỔNG CỘNG	11.237.401.022	310.333.395

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.881.610.115	1.409.277.674
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	10.976.322.023	310.041.088
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	261.078.999	292.307
Chi phí thuế TNDN	11.237.401.022	310.333.395

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế với giá trị là 506.157.552 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016</i>
2016 (*)	2021	506.157.552	-	-	506.157.552
TỔNG CỘNG		506.157.552	-	-	506.157.552

(*) Lỗ tính thuế ước tính của Taseco Sài Gòn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm nay và kỳ trước bao gồm:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
<i>Bên liên quan hệ</i>	<i>Mối quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Góp vốn	133.323.722.900	27.126.277.100
		Góp vốn hợp tác đầu tư	75.220.439.740	-
		Thu hồi cho vay ngắn hạn	101.774.316.277	-
		Thanh toán tiền thuê căn hộ	12.000.000.000	-
		Cho vay ngắn hạn	81.585.809.263	12.450.000.000
		Phải trả về nhận góp vốn	39.191.289.901	-
		Chi phí thuê căn hộ	8.909.700.000	-
		Phí tư vấn và nhượng quyền thương hiệu	7.500.000.000	-
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.175.013.878	-
		Doanh thu từ lãi vay	3.820.861.576	-
		Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	1.440.000.000	-
		Đổi trừ chi phí	-	6.403.948.238
		Nhận đặt cọc	-	168.000.000
		Doanh số thu hộ	-	12.797.002.000
Cổ tức chi trả	-	999.000.000		
Bà Trần Thị Loan	Cổ đông	Góp vốn	15.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Cổ đông	Góp vốn	15.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	8.920.455	181.531.768
		Mua hàng hóa	20.324.702	-
		Chi phí tiếp khách	47.440.127	-
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Mua tài sản	-	901.985.021
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	62.119.545
		Mua hàng hóa	-	58.634.400
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.981.818	-
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.780.909	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Bình	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	344.315.003	-
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	635.654.925	6.300.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con bán hàng/cho thuê cho các bên liên quan theo mức giá bán/thuê niêm yết thông thường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH Hàng miễn thuế Jalux Taseco	Công ty trong cùng Tập đoàn	Thu tiền mua hàng	4.245.000	6.930.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	107.607.134	199.684.945
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	71.713.776
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Cung cấp dịch vụ	19.060.000	-
			130.912.134	278.328.721
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Trả trước tiền thuê căn hộ	28.081.384.016	-
			28.081.384.016	-
Phải thu cho vay ngắn hạn				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Cho vay tín chấp ngắn hạn không lãi	-	12.450.000.000
			-	12.450.000.000
Phải thu khác (Thuyết minh số 7)				
Ngắn hạn				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Thanh toán hộ	-	7.135.809.262
		Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	78.641.713.251	-
		Chi hộ trả hộ	220.063.636	-
Các cá nhân liên quan khác	Cá nhân liên quan	Tạm ứng	5.492.175.531	-
Dài hạn				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	75.220.439.740	-
			159.574.392.158	7.135.809.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	-	21.249.000
Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa và phí dịch vụ	-	65.477.840
Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Phí dịch vụ	-	992.183.523
			-	1.078.910.363
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)				
Taseco Thăng Long	Công ty mẹ cấp 1	Nhận góp vốn bằng các khoản đầu tư vào các công ty con	39.191.289.901	-
		Nhận đặt cọc	-	168.000.000
			39.191.289.901	168.000.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>		
	<i>Năm nay</i>	
Lương và thưởng	1.253.560.000	307.500.000
Thu nhập khác	112.350.000	21.980.000
TỔNG CỘNG	1.365.910.000	329.480.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>12 năm 2015</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	43.846.210.025	1.098.944.279
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(217.234.736)	-
Phải trả cho bên hợp tác kinh doanh (*)	(1.637.502.825)	-
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	41.991.472.464	1.098.944.279
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.153.095	1.736.347
<i>Ảnh hưởng suy giảm</i>	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	7.153.095	1.736.347
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.870	633
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.870	633

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được điều chỉnh cho khoản phải trả cho bên hợp tác kinh doanh theo quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh của Taseco Đà Nẵng với đối tác.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận kinh doanh bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không.

Bộ phận kinh doanh nhà hàng, khách sạn kinh doanh dịch vụ khách sạn và các dịch vụ liên quan khác.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong nhà ga và cảng hàng không</i>	<i>Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu				
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	280.802.493.569	36.087.048.992	-	316.889.542.561
<i>Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận</i>	14.310.909	61.097.645	(75.408.554)	-
Tổng doanh thu	280.816.804.478	36.148.146.637	-	316.964.951.115
Kết quả				
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận</i>	50.118.098.472	4.763.511.643	-	54.881.610.115
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	50.118.098.472	4.763.511.643	-	54.881.610.115
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	(10.284.698.694)	(952.702.328)	-	(11.237.401.022)
<i>Lợi nhuận thuần sau thuế</i>	39.833.399.778	3.810.809.315	-	43.644.209.093
Tài sản và công nợ				
<i>Tài sản bộ phận</i>	393.310.665.134	192.875.227.133	(218.181.168.134)	368.004.724.133
Tổng tài sản	393.310.665.134	192.875.227.133	-	586.185.892.267
<i>Công nợ bộ phận</i>	163.199.430.497	51.572.623.874	(48.509.878.233)	166.262.176.138
Tổng công nợ	163.199.430.497	51.572.623.874	-	214.772.054.371
Các thông tin bộ phận khác				
<i>Chi phí hình thành tài sản cố định</i>				
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	1.717.678.732	33.450.000	-	1.751.128.732
<i>Khấu hao</i>	5.945.447.089	1.303.670.631	-	7.249.117.720

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

	Kinh doanh dịch vụ hàng không	Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Loại trừ	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Doanh thu				
<i>Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài</i>	38.661.266.514	-	-	38.661.266.514
Tổng doanh thu	38.661.266.514	-	-	38.661.266.514
Kết quả				
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận</i>	1.409.277.674	-	-	1.409.277.674
<i>Lợi nhuận thuần trước thuế</i>	1.409.277.674	-	-	1.409.277.674
<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	(310.333.395)	-	-	(310.333.395)
<i>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế</i>	1.098.944.279	-	-	1.098.944.279
Tài sản và công nợ				
<i>Tài sản bộ phận</i>	50.827.573.032	-	-	50.827.573.032
Tổng tài sản	50.827.573.032	-	-	50.827.573.032
<i>Công nợ bộ phận</i>	23.601.351.653	-	-	23.601.351.653
Tổng công nợ	23.601.351.653	-	-	23.601.351.653
Các thông tin bộ phận khác				
<i>Chi phí hình thành tài sản cố định</i>				
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	575.063.409	-	-	575.063.409
Khấu hao	415.276.824	-	-	415.276.824

30. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng với Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 31 tháng 8 năm 2019;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam với thời hạn đến ngày 19 tháng 9 năm 2018;
- ▶ Hợp đồng thuê các phòng khách sạn thuộc Khách sạn A La Carte Đà Nẵng với Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng không Thăng Long với thời hạn đến ngày 31 tháng 10 năm 2017; và
- ▶ Và một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	21.211.268.040	12.499.007.040
Trên 1 – 5 năm	27.318.284.251	34.327.190.400
TỔNG CỘNG	48.529.552.291	46.826.197.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

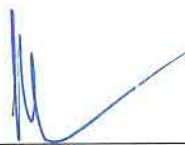
Trong năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100.000 cổ phần của Taseco Sài Gòn với giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 VND từ cổ đông của Taseco Sài Gòn và nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Taseco Sài Gòn lên 65%.

Trong năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 1.498.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Taseco Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco) với giá chuyển nhượng là 444.427.614 VND từ Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco là 99,9% và Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco trở thành công ty con của Công ty.

Trong năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("VinaCS") với giá chuyển nhượng là 60 tỷ VND từ Taseco Thăng Long, công ty mẹ của Công ty, theo Nghị quyết số 06B/2017/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Taseco Thăng Long. Theo đó, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty trong VinaCS là 40% và VinaCS trở thành công ty liên kết của Công ty.

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 07/2017/BB-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017 và Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 7 năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thông qua kết quả phát hành thêm 20.060.000 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần theo Biên bản số 04/2017/BB-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 2 tháng 6 năm 2017. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc không chào bán số cổ phần mà cổ đông hiện hữu được phân bổ không mua (108.000 cổ phần) và kết thúc đợt chào bán với số lượng cổ phần đã chào bán thành công là 19.952.000 cổ phần. Việc tăng vốn này đã được phê duyệt theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Trần Văn Hưng
Người lập



Phạm Quang Viên
Phó Phòng kế toán



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2017